

BÁO CÁO

Kết quả xác định Chỉ số cải cách hành chính năm 2018 đối với UBND các xã, phường, thị xã Vĩnh Châu

I. Tình hình triển khai việc xác định Chỉ số cải cách hành chính năm 2018

1. Công tác chỉ đạo triển khai thực hiện

Thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính năm 2018 của thị xã; Ủy ban nhân dân thị xã ban hành Quyết định số 2277/QĐ-UBND ngày 23/8/2017 về ban hành Chỉ số cải cách hành chính tại Ủy ban nhân dân các xã, phường, trên cơ sở đó chỉ đạo Phòng Nội vụ ban hành Công văn số 489/PNV-CCHC ngày 04/6/2018 về việc hướng dẫn việc tự đánh giá, chấm điểm để xác định Chỉ số cải cách hành chính của các xã, phường; đồng thời ban hành Quyết định số 3169/QĐ-CT.UBND ngày 23/11/2017 về việc thành lập Tổ công tác thực hiện xác định Chỉ số cải cách hành chính các xã, phường.

Trên cơ sở chỉ đạo của Ủy ban nhân dân thị xã, Tổ công tác đã tham mưu Phòng Nội vụ ban hành Công văn số 598/PNV-CCHC ngày 05/11/2018 về việc đôn đốc việc thực hiện tự chấm điểm Chỉ số cải cách hành chính của các xã, phường. Đồng thời phân công từng thành viên tích cực, khẩn trương tiến hành thẩm định, đánh giá từng đơn vị, sau đó tổng hợp kết quả chung để xác định Chỉ số cải cách hành chính năm 2018 đối với các xã, phường.

Qua tổng hợp kết quả số điểm thẩm định lần thứ 1, Tổ công tác yêu cầu các đơn vị rà soát, cung cấp bổ sung đầy đủ và đúng tài liệu kiểm chứng theo hướng dẫn tại Công văn số 489/PNV-CCHC của Phòng Nội vụ; giải trình, thuyết minh rõ nội dung các tiêu chí, tiêu chí thành phần để làm cơ sở chấm điểm Chỉ số cải cách hành chính. Vì vậy, Tổ công tác tiếp tục tham mưu Phòng Nội vụ huyện có Công văn số 618/PNV-CCHC ngày 05/12/2018 về việc đề nghị bổ sung tài liệu kiểm chứng với báo cáo tự chấm điểm Chỉ số cải cách hành chính các xã, phường năm 2018.

2. Kết quả thẩm định điểm đánh giá đối với các xã, phường

2.1 Chỉ số cải cách hành chính tổng hợp

Kết quả Chỉ số cải cách hành chính năm 2018 của Ủy ban nhân dân các xã, phường cho có 07/08 tiêu chí đạt điểm khá; còn 01/08 tiêu chí đạt mức trung bình; tiêu chí đạt cao nhất là 80,83%; thấp nhất là 59,44% (trung bình đạt 69,93 điểm).

Trong 08 nội dung của Chỉ số cải cách hành chính thì nội dung Cải cách tài chính công đạt cao nhất (80,83%), do các đơn vị đều thực hiện tốt việc xây

dụng và ban hành quy chế chi tiêu nội bộ; quan tâm và đầu tư cơ sở vật chất; quản lý và sử dụng tốt nguồn ngân sách; ngược lại, nội dung Công tác chỉ đạo điều hành đạt số điểm thấp nhất (59,44%) do các đơn vị chưa ban hành kịp thời các văn bản chỉ đạo công tác cải cách hành chính, văn bản ban hành chất lượng chưa cao, còn chung chung quá, chưa xác định định sản phẩm, thời gian hành thành nhiệm vụ....

*** Kết quả tổng hợp như sau (có phụ lục chi tiết đính kèm)**

2.2 Kết quả cụ thể từng nội dung như sau

a) Nội dung 1: Công tác chỉ đạo điều hành cải cách hành chính (điểm tối đa 18 điểm)

Có 02 đơn vị có điểm số cao nhất là phường Vĩnh Phước và Phường 1 (11,50 điểm); có 05 đơn vị đạt số điểm thứ nhì là: xã Vĩnh Hải, Hòa Đông, Lai Hòa, Vĩnh Tân và phường Khánh Hòa (11,25 điểm), 02 đơn vị có điểm thấp nhất là xã Lạc Hòa, Phường 2 (8,5 điểm). Đây là nội dung có sự khác nhau theo không cao (nhóm I, có 08 đơn vị điểm từ 10,75 – 11,50 điểm; nhóm II có 02 đơn vị có số điểm là 8,50 điểm), thể hiện công tác chỉ đạo điều hành trong năm 2018 của các đơn vị có sự đổi mới, quyết tâm của lãnh đạo cách đơn vị. Một số đơn vị mất điểm ở tiêu chí như Kế hoạch cải cách hành chính chưa phân công trách nhiệm cụ thể, rõ ràng, chưa đánh giá được kết quả công tác thông tin, tuyên truyền cải cách hành chính năm 2018...

b) Nội dung 2: Xây dựng và tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật (điểm tối đa 9,5 điểm)

Có 08 đơn vị đạt số điểm từ 6,25 đến 7,00 điểm; có 02 đơn vị đạt số điểm là 5,25 điểm là Phường 2, xã Lạc Hòa; các đơn vị mất điểm ở tiêu chí như chưa báo cáo kịp thời kết quả việc rà soát văn bản quy phạm pháp luật.

c) Nội dung 3: Cải các thủ tục hành chính (điểm tối đa 9,5 điểm)

Kết quả cho thấy có 08 đơn vị đạt số điểm từ 7,00 đến 7,75 điểm; có 02 đơn vị đạt số điểm thấp (6,50 điểm) là Phường 2, xã Lạc Hòa; các đơn vị chưa đạt điểm ở những tiêu chí như: chưa ban hành kế hoạch kiểm soát và kế hoạch rà soát, đánh giá thủ tục hành chính, việc niêm yết, công khai thủ tục hành chính chưa đầy đủ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả...

d) Nội dung 4: Thực hiện cơ chế một cửa (điểm tối đa 10,5 điểm)

Nội dung này các đơn vị đạt số điểm khá cao, có 08 đơn vị đạt số điểm 7,25 - 7,75 điểm; 02 đơn vị đạt 6,50 điểm là Phường 2, xã Lạc Hòa; các đơn vị mất điểm ở tiêu chí: việc ban hành các văn bản thực hiện, Quyết định thành lập Tổ một cửa, cơ cấu thành phần không đúng quy định . .

e) Nội dung 5: Cải cách tổ chức bộ máy (điểm tối đa 17,5 điểm)

Có đến 07 đơn vị đạt số điểm từ 13,00 điểm đến 14,50 điểm và 03 đơn vị đạt từ 7,25 đến 9,25 điểm (Phường 2 thấp nhất là 7,25 điểm), cho thấy các đơn vị thực hiện tốt phần tiêu chí tổ chức bộ máy, đã ban hành kịp thời quy chế làm

việc Ủy ban nhân dân, quy chế tiếp công dân, các kế hoạch thực hiện hàng tháng của Ủy ban nhân dân.

g) Nội dung 6: Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức (điểm tối đa 9 điểm)

Đối với tiêu chí thành phần này, số điểm đơn vị đạt cao nhất là 6,50 điểm là xã Lai Hòa, phường Khánh Hòa; có 05 đơn vị đạt số điểm thấp nhất dưới 6,00 điểm, thấp nhất là 5,25. Các đơn vị mất điểm ở tiêu chí như: chưa báo cáo kết quả thực hiện Chỉ thị 10/CT-UBND ngày 18/8/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng về việc chấn chỉnh lề lối làm việc, nâng cao trách nhiệm và chất lượng phục vụ trong hoạt động công vụ của cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Sóc Trăng.

h) Nội dung 7: Tài chính công (điểm tối đa 09 điểm)

Hầu hết các đơn vị số điểm tương đối bằng nhau là từ 7,25 điểm đến 7,50, số điểm các đơn vị chưa đạt được do chưa kịp thời báo cáo được việc có tăng thu nhập cho cán bộ, công chức từ nguồn kinh phí tiết kiệm; chưa có tài liệu kiểm chứng, chứng minh việc thực hiện công khai tài chính định kỳ.

- Nội dung 8: Hiện đại hóa nền hành chính (điểm tối đa 17 điểm)

Có 04 đơn vị đạt số điểm từ 14,00 – 14,50 điểm; 03 đơn vị đạt số điểm từ 13,23 điểm đến 13,50 điểm; đơn vị đạt số điểm thấp là Phường 2 (điểm 10.25 điểm) do số công chức ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động hiệu quả chưa cao.

II. NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ

1. Nhận xét, đánh giá chung

- Năm 2018 là năm thị xã tiếp tục triển khai xác định Chỉ số cải cách hành chính cấp xã, phường việc ban hành tiêu chí, tiêu chí thành phần nội dung tương đối phù hợp với tình hình thực tế địa phương, nhiều tiêu chí dễ thực hiện, tạo thuận lợi cho các đơn vị làm quen với việc tự chấm điểm Chỉ số cải cách hành chính.

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường đã tổ chức nghiên cứu, quán triệt Chỉ số cải cách hành chính theo chỉ đạo chung, có biện pháp chỉ đạo, tổ chức thực hiện tốt các nội dung, yêu cầu và tiến độ thời gian theo kế hoạch của Ủy ban nhân dân thị xã.

- Ủy ban nhân dân các xã, phường đã thực hiện nghiêm túc việc tự chấm điểm, xây dựng báo cáo tự chấm điểm và thu thập tài liệu kiểm chứng gửi về Phòng Nội vụ để Tổ công tác tiến hành đánh giá, thẩm định theo đúng thời gian quy định; một số đơn vị thực hiện tương đối tốt trong quá trình tổ chức thực hiện xác định Chỉ số cải cách hành chính. Điểm chỉ số cải cách hành chính các đơn vị đạt như sau: Khá 08 đơn vị; trung bình 02 đơn vị.

- Việc tổ chức đánh giá, chấm điểm Chỉ số cải cách hành chính của Ủy ban nhân dân các xã, phường được tiến hành nghiêm túc, việc chấm các tiêu chí

dựa trên các căn cứ, tài liệu kiểm chứng. Công tác thẩm định tổ chức khẩn trương, nghiêm túc, phát huy được sự tham gia của phòng, ngành chuyên môn được phân công theo dõi các lĩnh vực cải cách hành chính. Tổ công tác đã kịp thời tham mưu đề xuất ý kiến làm cơ sở báo cáo và trình Ủy ban nhân dân thị xã Quyết định công bố Chỉ số một cách khách quan, công bằng.

- Kết quả điểm Chỉ số cải cách hành chính là kênh thông tin quan trọng giúp cho Ủy ban nhân dân các xã, phường nhận biết những mặt mạnh, hạn chế của đơn vị mình trong triển khai thực hiện các nhiệm vụ về cải cách hành chính; qua đó có giải pháp tác động tích cực đến công tác chỉ đạo, điều hành cải cách hành chính của người đứng đầu.

2. Những khó khăn, tồn tại và hạn chế

Năm 2018 là năm có nhiều quy định, hướng dẫn mới có liên quan đến công tác xác định Chỉ số cải cách hành chính cấp xã, phường nên mặc dù Ủy ban nhân dân thị xã đã triển khai, hướng dẫn kịp thời, thường xuyên đôn đốc, nhắc nhở. Tuy nhiên trong quá trình thực hiện, một số đơn vị trong công tác tuyên truyền, quán triệt Chỉ số cải cách hành chính chưa sâu sát, còn lúng túng trong việc tự chấm điểm xác định chỉ số cải cách hành chính.

Một số đơn vị chưa coi trọng công tác xây dựng kế hoạch và chế độ báo cáo công tác cải cách hành chính theo quy định, do vậy, thiếu tài liệu kiểm chứng nhưng không chứng minh được những nội dung theo từng tiêu chí đã thực hiện về công tác cải cách hành chính nên bị mất điểm.

Một số đơn vị chậm khắc phục sau khi Đoàn kiểm tra cải cách hành chính của thị xã có Thông báo kết luận, một số hạn chế Đoàn kiểm tra đã góp ý chưa sửa chữa, khắc phục tốt.

III. YÊU CẦU TRONG THỜI GIAN TỚI:

1. Đối với Ủy ban nhân dân các xã, phường

- Cần nâng cao vai trò trách nhiệm trong việc tự chấm điểm, xác định Chỉ số cải cách hành chính tại đơn vị, để hoạt động này phát huy được giá trị, tạo phong trào thi đua lành mạnh giữa các đơn vị trong việc nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý hành chính nhà nước, chất lượng cải cách hành chính.

- Quan tâm cải thiện những tiêu chí, tiêu chí thành phần tự chấm điểm trong các lĩnh vực cải cách hành chính mà đơn vị còn hạn chế để nâng cao vị trí xếp hạng.

- Thực hiện việc triển khai, tuyên truyền kết quả điểm Chỉ số cải cách hành chính trong phạm vi đơn vị, đồng thời tổ chức đánh giá, rút kinh nghiệm kết quả điểm Chỉ số cải cách hành chính để nâng cao trách nhiệm của cán bộ, công chức trong thực hiện cải cách hành chính, tìm ra nguyên nhân, xác định rõ yếu tố ảnh hưởng và trách nhiệm của từng cán bộ, công chức trong việc cải thiện, nâng cao chất lượng cải cách hành chính. Qua đó đề xuất các giải pháp cần thiết trong xây dựng, tổ chức thực hiện kế hoạch nhằm duy trì và cải thiện điểm Chỉ số cải cách hành chính.

2. Các phòng, ngành như: Phòng Tư pháp, Phòng Văn hóa và Thông tin, Phòng Tài chính - Kế hoạch, Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thị xã tăng cường vai trò hỗ trợ, phối hợp với Phòng Nội vụ trong việc thẩm định, chấm điểm Chỉ số cải cách hành chính tại Ủy ban nhân dân các xã, phường để đảm bảo tính khách quan, khoa học, công bằng trong việc xác định Chỉ số cải cách hành chính hàng năm. Tăng cường rà soát, kịp thời phản ánh, kiến nghị về Ủy ban nhân dân thị xã (qua Phòng Nội vụ) về nội dung, phương pháp tự chấm điểm xác định Chỉ số cải cách hành chính nhằm điều chỉnh cho phù hợp.

Nơi nhận:

- Sở Nội vụ;
- TT. Thị ủy
- TT. HĐND thị xã;
- CT và các PCT UBND thị xã;
- Phòng Nội vụ;
- Lưu: VT, NC. *fan*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

**CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Thị Mỹ Nhiên



PHỤ LỤC
CHỈ SỐ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH TẠI UBND CÁC XÃ, PHƯỜNG
TRÊN ĐỊA BÀN THỊ XÃ VINH CHÂU

(Ban hành kèm theo Báo cáo số /BC-UBND, ngày /12/2018
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã Vinh Châu)

Stt	Đơn vị	Tổng điểm	Điểm của từng nội dung							
			Công tác chỉ đạo điều hành CCHC 18	Tổ chức thực hiện VBQPPL 9.5	Cải cách thủ tục hành chính 9.5	Thực hiện cơ chế một cửa 10.5	Cải cách tổ chức bộ máy 17.5	Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ CBCC 9	Cải cách tài chính công 9	Hiện đại hóa hành chính 17
1	Xã Lai Hòa	75,50/100	11,25/18	7,00/9,5	7,50/9,5	7,50/10,5	14,50/17,5	6,50/9	7,25/9	14,00/17
2	Xã Vĩnh Tân	73,50/100	11,25/18	6,75/9,5	7,75/9,5	7,50/10,5	13,25/17,5	5,75/9	7,25/9	14,00/17
3	Phường Vĩnh Phước	75,50/100	11,50/18	6,50/9,5	7,50/9,5	7,50/10,5	14,50/17,5	6,25/9	7,25/9	14,50/17
4	Phường 1	76,25/100	11,50/18	7,00/9,5	7,75/9,5	7,75/10,5	14,50/17,5	6,00/9	7,25/9	14,50/17
5	Phường 2	57,25/100	8,50/18	5,25/9,5	6,50/9,5	6,50/10,5	7,25/17,5	5,50/9	7,50/9	10,25/17
6	Xã Lạc Hòa	58,75/100	8,50/18	5,25/9,5	6,50/9,5	6,50/10,5	8,25/17,5	5,25/9	7,25/9	11,25/17
7	Xã Vĩnh Hải	66,50/100	11,25/18	6,25/9,5	7,25/9,5	7,25/10,5	9,25/17,5	5,75/9	7,25/9	12,25/17
8	Xã Hòa Đông	72,25/100	11,25/18	6,50/9,5	7,25/9,5	7,25/10,5	13,25/17,5	6,00/9	7,25/9	13,50/17
9	Phường Khánh Hòa	73,25/100	11,25/18	6,75/9,5	7,25/9,5	7,50/10,5	13,25/17,5	6,50/9	7,25/9	13,50/17
10	Xã Vĩnh Hiệp	70,50/100	10,75/18	6,25/9,5	7,00/9,5	7,25/10,5	13,00/17,5	5,75/9	7,25/9	13,25/17
	Tỷ lệ %	69,93/100	10,70/18	6,35/9,5	7,23/9,5	7,25/10,5	12,10/17,5	5,93/9	7,28/9	13,10/17